TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST;
Ngày 15/11/2019.
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Thành Tr

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị X; Bà Nguyễn Thị T.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Tống Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2019 và ngày 15/11/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 333/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2019, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Khu 7, thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1975; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm HH, xã DL, huyện HĐ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Khu 7, thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Nguyễn Thị Thanh H trình bày:***

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình S vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh S chơi bời, cờ bạc và nhiều lần có quan hệ bất chính với nhiều người, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, góp ý nhưng anh S không thay đổi, vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay, không còn liên hệ gì với nhau về tình cảm, kinh tế. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1995 và Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 04/01/2001. Hiện nay các con anh chị đều đã thành niên, có khả năng lao động, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Đình S trình bày:***

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, anh không đồng ý vì cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, không đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1995 và Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 04/01/2001. Hiện nay các con anh chị đều đã thành niên, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 01 căn nhà 04 tầng, diện tích 60m^2 tại thửa đất ở Khu 7 (Bồ Đàm), thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội và các tài sản là đồ dùng trong gia đình. Nếu chị H ly hôn phải chia tài sản, trả cho anh theo quy định của pháp luật.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

2. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H ly hôn anh S; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1995 và Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 04/01/2001. Hiện nay các con anh chị đều đã thành niên, có khả năng lao động nên không phải xem xét về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn; Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự về chia tài sản chung cho anh Nguyễn Đình S (nếu có yêu cầu); Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điều 227 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

***** Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Đình S tuân thủ đầy đủ các quy định, thủ tục về kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp.

Theo chị H, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh S ham chơi bạc dẫn đến nhiều lần chị H cùng gia đình phải trả nợ thay cho anh S, mặt khác anh S có quan hệ ngoại tình với nhiều người, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến tháng 2/2019, anh chị xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân đến nay, không còn liên hệ gì với nhau về tình cảm, kinh tế. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đều biết và

khuyên bảo nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Đến nay, chị H kiên quyết yêu cầu giải quyết quyết ly hôn.

Theo anh S, vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Bình và anh Đình đã căng thẳng, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bình, cho chị Bình được ly hôn anh Đình là phù hợp.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1995 và Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 04/01/2001. Hiện nay các con anh chị đều đã thành niên nên không xem xét.

* Về tài sản chung.

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Nguyễn Đình S có lời khai cho rằng vợ chồng anh chị có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 01 căn nhà 04 tầng, diện tích 60m^2 tại thửa đất ở Khu 7 (Bồ Đàm), thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội và các tài sản là đồ dùng trong gia đình. Nếu ly hôn, anh yêu cầu chị H phải chia tài sản trả cho anh theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Tòa án đã ra thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 01/2019/TB-TA và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 02/2019/TB-TA đối với anh S về yêu cầu chia tài sản. Tuy nhiên đến nay, anh S không có đơn yêu cầu và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, không nộp tiền tạm ứng án phí. Căn cứ điều 96, 97, 146, 195 nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Tách phần tài sản chung cho anh S và giành quyền khởi kiện cho anh S về giải quyết tài sản chung bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 28; Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39; điều 96, 97, 146, khoản 4 Điều 147; 195, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Đình S.

2. Về tài sản chung.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Giành quyền khởi kiện cho anh S về giải quyết tài sản chung bằng một vụ kiện dân sự khác (nếu có yêu cầu).

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0009094 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn Đình S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thànn Tr